

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 5 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tuyền và ông Vũ Văn Tu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 22/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐ-ST ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc Xuân Tr, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: thôn VL, xã NH, huyện HL, (nay là thành phố HL), tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: Số 325/19, đường BD, phường 15, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: anh Đỗ Xuân Kh, sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: thôn VL, xã NH, huyện HL (nay là thành phố HL), tỉnh Ninh Bình;

Nơi ở hiện nay: đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, hiện đang ở Đài Loan, nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2024, bản tự khai ngày 06/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Ngọc Xuân Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc Xuân Tr và anh Đỗ Xuân Kh kết hôn với nhau vào ngày 19/3/2015, có được tự do tìm hiểu, tự nguyện không ai bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và có với nhau một người con chung là cháu Đỗ Ngọc Minh K. Năm

2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhiều vấn đề không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đã nhiều lần vợ chồng ngồi bàn bạc nói chuyện, hai bên gia đình đã tác động khuyên nhủ, để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn, nhưng vẫn không thành, ngày càng mâu thuẫn hơn, nên cả hai đã quyết định sống ly thân. Năm 2021 anh Đỗ Xuân Kh làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, từ đó đến nay anh Kh không quan tâm đến vợ con và cũng không về Việt Nam. Thời gian gần đây từ năm 2023 chị Tr có yêu cầu anh Kh gửi tiền về để chị Tr nuôi con, thì anh Kh có gửi mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Chị Tr có hỏi anh Kh về địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Kh ở Đài Loan, nhưng anh Kh chỉ nói hiện nay vẫn đang làm việc tại Đài Loan, không nói cụ thể, nên chị Tr không biết chính xác địa chỉ ở đâu. Nay chị Tr xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh Kh thực sự không còn, hai người đã sống ly thân nhau từ lâu, anh Kh cũng không về Việt Nam. Do vậy, chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Tr được ly hôn anh Đỗ Xuân Kh.

Về con chung: chị Tr và anh Kh có 01 con chung là cháu Đỗ Ngọc Minh K, sinh ngày 23/12/2018, hiện nay cháu K đang ở với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr xin được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hiện tại chị Tr đang làm việc tại Công ty TNHH Nam An Dược, ở quận BT; thu nhập bình quân mỗi tháng là 11.000.000 đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị Tr xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Xuân Kh: Hộ khẩu nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh Đỗ Xuân Kh ở thôn VL, xã NH, huyện HL (nay là thành phố HL), tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: đang cư trú tại Đài Loan (không xác định được địa chỉ cụ thể).

Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2024 UBND xã NH, huyện HL (nay là thành phố HL), tỉnh Ninh Bình cung cấp: anh Đỗ Xuân Kh sinh năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại đội 3, thôn VL, xã NH, huyện HL, tỉnh Ninh Bình, hiện nay anh Kh không cư trú tại thôn VL, xã NH. UBND xã được biết hiện nay anh Kh đang đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, cụ thể ở nước nào thì chính quyền địa phương không rõ. Bố mẹ đẻ của anh Kh là ông Đỗ Xuân A và bà Chu Thị L, hiện nay đang sinh sống tại đội 3, thôn VL, xã NH. Nay chị Tr xin ly hôn anh Kh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 16/12/2024 với bà Chu Thị L và biên bản làm việc ngày 10/02/2025 với ông Đỗ Văn A (là bố mẹ đẻ anh Kh) trình bày: anh Đỗ Xuân Kh kết hôn với chị Phạm Ngọc Xuân Tr vào năm 2015, gia đình tổ chức lễ cưới cho anh chị, sau khi cưới anh Kh chị Tr vào làm ăn tại tỉnh Bình Dương, hộ khẩu anh Kh chị Tr vẫn ở tại đội 3, thôn VL, xã NH. Đến năm 2022 anh Kh đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, từ khi đi đến nay anh Kh cũng chưa về, thỉnh thoảng anh Kh vẫn điện thoại liên lạc về cho bố mẹ hỏi thăm sức khỏe, địa chỉ cụ thể của anh Kh như thế nào ở nước ngoài thì ông bà không biết. Anh Kh có nói là chị Tr đang làm đơn xin ly hôn nên ông bà mới biết, tháng 10 năm 2024 chị Tr có về chơi, nhưng cũng không nói gì với ông bà về việc chị Tr

làm đơn ly hôn anh Kh. Anh Kh có nói với ông bà là tình cảm vợ chồng không còn, tùy cô Tr giải quyết ly hôn. Tết năm 2025 vừa qua anh Kh cũng không về Việt Nam được. Hiện nay anh Kh vẫn đang làm ăn ở nước ngoài tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể của anh Kh như thế nào ông bà có hỏi nhưng anh Kh chỉ nói là ở Đài Loan, nên ông bà cũng không biết rõ cụ thể chính xác như thế nào. Các văn bản giấy tờ thông báo của Tòa án gửi cho anh Kh, ông bà đã nhận và cũng thông báo lại cho anh Kh biết, anh Kh nói đã biết việc chị Tr làm đơn ly hôn anh Kh, nhưng do công việc bận không về Việt Nam giải quyết ly hôn với chị Tr được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại đơn đề nghị của cháu Đỗ Ngọc Minh K (là con đẻ của anh Kh và chị Tr) trình bày: bố Kh hiện nay đi lao động ở nước ngoài, cháu đang ở cùng với mẹ Tr ở tại Bình Dương. Nay bố mẹ không ở với nhau mà ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

Tại văn bản số 676/QLXNC-Đ1 ngày 18/10/2024 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: anh Đỗ Xuân Kh, sinh ngày 06/6/1992, đã xuất nhập cảnh 01 lần vào ngày 20/6/2022, qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 470, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tr; xử cho chị Phạm Ngọc Xuân Tr được ly hôn anh Đỗ Xuân Kh; Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc Minh K, sinh ngày 23/12/2018 cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ: chị Tr xác định không có, không đề nghị Tòa giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Kh phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và áp dụng pháp luật:

Nguyên đơn chị Phạm Ngọc Xuân Tr có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ hộ khẩu thường trú: thôn VL, xã NH, huyện HL, (nay là thành phố HL), tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: Số 325/19, đường BD, phường 15, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn anh Đỗ Xuân Kh có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ hiện nay: Đài Loan (không xác định được địa chỉ); địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: đội 3, thôn VL, xã NH, huyện HL, (nay là thành phố HL), tỉnh Ninh Bình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[1.2]. Về sự tham gia tố tụng của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn anh Đỗ Xuân Kh vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh Kh, xác minh làm việc với thân nhân gia đình của anh Kh, bố mẹ anh Kh (ông A, bà L) đều xác nhận hiện nay anh Kh vẫn đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, anh Kh thường xuyên có điện thoại, liên lạc về gia đình cho bố mẹ là ông Đỗ Văn A và bà Chu Thị L, nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể, nên ông A, bà L không cung cấp được địa chỉ cụ thể, chính xác của anh Kh cho Tòa án được và Tòa án đã tiến hành việc tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Phạm Ngọc Xuân Tr có đơn ngày 07/01/2025 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử. Ngày 03/4/2025 2025 chị Tr có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 233, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Ngọc Xuân Tr và anh Đỗ Xuân Kh được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa chị Phạm Ngọc Xuân Tr và anh Đỗ Xuân Kh là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp dẫn đến cãi nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đã nhiều lần ngồi bàn bạc nói chuyện và được hai bên gia đình tác động khuyên nhủ để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn, nhưng vẫn không thành, ngày càng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Đến năm 2022 anh Kh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay không về, vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa chị Tr và anh Kh là không có, mâu thuẫn hai bên ngày càng trầm trọng. Chị Tr đã điện thoại liên lạc với anh Kh về vấn đề ly hôn, anh Kh cũng đã biết việc chị Tr xin ly hôn, nhưng do điều kiện công việc bận nên anh Kh không về Việt Nam được, cũng không có ý kiến, thiện trí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét

thấy giữa chị Tr và anh Kh đã sống ly thân từ năm 2021, không còn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại anh Kh đang làm ăn sinh sống tại Đài Loan, chị Tr đang làm ăn cư trú ở Việt Nam, đồng thời do xa cách về địa lý, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh Đỗ Xuân Kh và chị Phạm Ngọc Xuân Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Ngọc Xuân Tr là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Ngọc Xuân Tr.

[2.2]. Về con chung: Chị Phạm Ngọc Xuân Tr và anh Đỗ Xuân Kh có một con chung là cháu Đỗ Ngọc Minh K, sinh ngày 23/12/2018, hiện nay cháu K đang ở với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại anh Kh đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan chưa về nước, chị Tr hiện nay đang ở Việt Nam, có công ăn việc làm có thu nhập mỗi tháng là 11.000.000 đồng, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, do đó việc chị Tr đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng con là có căn cứ. Vì vậy, cần giao cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Đỗ Ngọc Minh K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr trình bày từ năm 2023 cho đến nay anh Kh vẫn gửi tiền về để chị Tr nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Xét thấy, việc chăm sóc nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ. Hơn nữa, từ năm 2023 cho đến nay anh Kh vẫn gửi tiền về để chị Tr nuôi con. Do đó, anh Kh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Chị Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Đỗ Xuân Kh phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 469,

Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ Luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Ngọc Xuân Tr về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Đỗ Xuân Kh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Ngọc Xuân Tr và anh Đỗ Xuân Kh. Hôn nhân giữa chị Phạm Ngọc Xuân Tr và anh Đỗ Xuân Kh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc Minh K, sinh ngày 23/12/2018 cho chị Phạm Ngọc Xuân Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Đỗ Xuân Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Kh thực hiện quyền này. Khi cần có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Ngọc Xuân Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000062 ngày 24/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

- Về án phí cấp dưỡng: Anh Đỗ Xuân Kh phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn chị Phạm Ngọc Xuân Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Bị đơn anh Đỗ Xuân Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA-DS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng TT, KT&THA;
- Các đương sự;
- UBND phường TĐH;
- Niêm yết (GD; UBND xã NH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu phòng HCTP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Trần Thị Sâm